

7. Hodina

Základy vietnamštiny 4 (Vzakl4)

Pětiminutovka

Họ và tên	Ngày tháng năm
Ježek Tygr Ryba Srst Kočka	Thấp To Kêu Đáng sợ Dê
Kachna je nebezpečná a umí létat. Co je to za zvíře?	Con lợn có bốn chân và không biết bơi. Con rắn không có vây và biết bò.

Poslech

a - ăn	can - cần	ơ - ân	bơn - bân
ca - cần	màn - mần	cơ - cân	đờn - đàn
ta - tăn	bán - bán	phơ - phân	tốn - tẩn
na - năn	hản - hẩn	sơ - sân	mởn - mẩn
nga - ngăn	lăn - lẩn	hơ - hân	lờn - lẩn
tha - thăn	đạn - đẩn	tơ - tân	thợn - thẩn

Introduction 2 – track 8 – 0:10 – 2:18

Fráze a slovní zásoba - Nakupování

Anh/chị **muốn** mua gì? Co si byste **chtěl** koupit?

Tôi muốn mua _____. Chci si koupit _____.

Anh/chị **cần** gì? Co **potřebujete**?

Tôi cần mua _____. Potřebuji si koupit _____.

Đây, anh/chị **xem đi**. Tady, **podívejte se**.

Tôi muốn **thử** cái này. Chci si toto **vyzkoušet**.

Tôi có thể thử cái này được không? Mohu si toto vyzkoušet?

Dạ, anh/chị thử đi. Ano, vyzkoušejte si to.

Anh/chị có **cái khác** không? Máte **jiné**?

Anh/chị có ____ bé hơn không? Máte **menší** _____?

Giảm giá Sleva

Anh/chị gói cho tôi đi. Zabalte mi to.

Nhưng tôi có thể **bớt** một trăm nghìn đồng cho anh/chị. Ale můžu vám **ubrat** sto tisíc đồng.

Không được. To nepůjde.

Thôi được. Dobrá tedy

Cũng được. To by taky šlo.

____, được không? _____, může být?

Vẫn đắt! To je pořád drahé!

Đắt quá! To je moc drahé!

Cvičení

- Sehraje roli v obchodě. Nákup – prodej
- Ve vietnamštině se nepoužívá zdvořilostní „prosím“ jako v češtině.
- Pracujete s vietnamským dongem – 1 000 đồng = 1 kč
- Ve Vietnamu se běžně smlouvá (netýká se obchodů/značek, kde je cena jasně daná)

Časový ukazatel – vừa/mới/vừa mới

- Značí nám nedávno ukončenou akci/činnost
- Stojí před slovesem
- ***Họ vừa/mới/vừa mới đến.***
- Vytvořte vlastní příklady.

Časový ukazatel – sẽ

- Značí nám budoucí činnost/akci
- Stojí před slovesem
- ***Cô ấy sẽ đi Việt Nam.***
- Vytvořte vlastní příklady.

Časový ukazatel – sắp

- Značí nám činnost/akci v blízké budoucnosti
- Stojí před slovesem
- ***Bà ấy sắp đến.***
- Tvorba otázky a odpovědi (viz další slide)
 - ***Anh sắp thi chưa?***
 - ***Không. x Tôi chưa thi. / Tuần sau tôi chưa thi.***
- Vytvořte vlastní příklady.

Tázací časový ukazatel – đã ... chưa

- Tázací věty, zda se už proběhla nějaká činnost
- Đã před slovesem (nemusí být)
- Chưa na konci otázky
- **Anh (đã) ăn chưa?**
 - Chưa (nahrazuje không). x **Ăn rồi.**
- Vytvořte vlastní příklady.
- Chưa v záporných větách, ve smyslu, že ještě něco neproběhlo/se nestalo.
- Ve významu „ještě ne“
- **Hôm qua anh ấy chưa đến.**
- **Tôi chưa hiểu.**
- **Ngày mai cô ấy chưa đi.**

Cvičení

Nahrátte đã časovým ukazatelem vừa/mới/vừa mới.

1. Bố mẹ đã về.
2. Họ đã thi môn ấy rồi.
3. Cô ấy đã bắt đầu làm thư ký ở công ty này.
4. Tôi đã ăn cơm.
5. Ông ấy đã đi làm.
6. Chúng tôi đã gặp cô ấy rồi.
7. Lớp ta đã học bài ấy rồi.
8. Anh ấy đã giới thiệu tôi với giáo sư Smith.

1. Mẹ đã đi chợ.
2. Sáng nay tôi đã lấy lại đồng hồ theo ti vi.
3. Anh Dũng đã mua xe mới.
4. Tôi đã đọc cuốn sách này.
5. Bạn tôi đã đi Việt Nam thực tập “to do an internship.”
6. Sinh viên đã học từ ấy rồi.
7. Đồng hồ tôi đã đứng.

Cvičení

Odpovězte kladně i záporně.

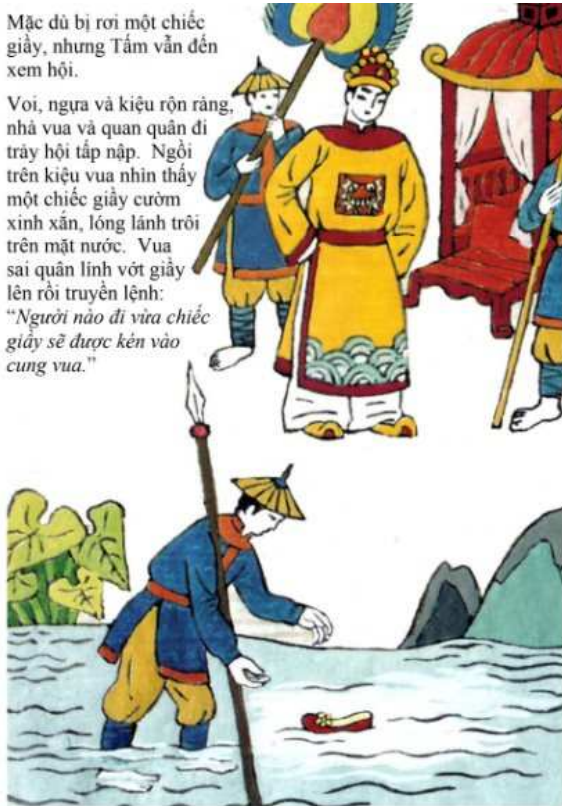
1. Chị đọc quyển sách này chưa?
 2. Anh đã gặp bác sĩ Thành chưa?
 3. Cô đã giới thiệu ông ấy với kỹ sư Hiền chưa?
 4. Anh ấy đi Hà Nội chưa?
 5. Các bạn đã ăn cơm Việt Nam chưa?
 6. Sinh viên năm thứ nhất thi hai môn ấy chưa?
 7. Họ đã mua xe mới chưa?
 8. Anh đã quen cô ấy chưa?
1. Các anh các chị có từ điển Việt-Anh chưa?
 2. Lớp ta làm bài tập này chưa?
 3. Các anh đã biết từ này chưa?
 4. Cô ấy đã bắt đầu làm việc ở đây chưa?
 5. Bố mẹ về chưa?
 6. Cậu đã làm quen với giáo sư Trần Đức Thiện chưa?
 7. Anh mời họ chưa?

MUNI
ARTS

Tám Cám

Mặc dù bị rơi một chiếc giấy, nhưng Tấm vẫn đến xem hội.

Voi, ngựa và kiệu rộn ràng, nhà vua và quan quân đi trẩy hội tấp nập. Ngồi trên kiệu vua nhìn thấy một chiếc giấy cườm xinh xắn, lóng lánh trôi trên mặt nước. Vua sai quân lính vớt giấy lên rồi truyền lệnh: "Người nào đi vớt chiếc giấy sẽ được kén vào cung vua."



9



Thế là cả đám hội thêm nao nức vì có cuộc thi ướm giấy. Người người xôn xao, trong đó có mẹ con Cám. Lúc Tấm vào thử giấy, mẹ con Cám ngạc nhiên vì trông Tấm lộng lẫy, xinh đẹp như một nàng tiên.

Tấm đi giấy vừa khít. Tấm lại rút trong bọc áo chiếc giấy còn lại, đôi giấy cườm đẹp lạ lùng. Thế là nhà vua đã kén được hoàng hậu. Chiêng trống nổi lên, các cung tần, thị nữ đỡ Tấm lên kiệu đi về cung Vua.

Mẹ con Cám cũng đứng xem cảnh huy hoàng của Tấm tỏ vẻ ghen tức.

10

8. Hodina - 10.4. – výuka není

9. Hodina - 17.4. – čtecí týden – výuka není